

Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng có một đứa con chung tên là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 24/02/2020. Hiện nay, con đang ở cùng với chị P. Chị P và anh T thỏa thuận giao con Nguyễn Trần Minh K cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị P mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành chị P cũng chấp nhận sự tự nguyện của anh T. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng có một tài sản chung và nợ chung nhưng đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, anh T phải chịu 150.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Hai bên thỏa thuận giao cho chị P chịu toàn bộ án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con thay cho anh T. Tổng cộng án phí chị P phải nộp là 300.000 đồng. Số tiền án phí chị P phải nộp được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số 31AA/2021/0003774, ngày 03/12/2021. Chị P được hoàn trả số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Quảng Ninh;
 - Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - UBND xã An Ninh
- (GCNKH số: 83, ngày 23/12/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường